

## BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

**Thời gian báo cáo:** Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: TTYT Huyện Diên Khánh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

## I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tị lệ		
1	Tổng số mẫu	18			
2	Giới tính				
	Nam	11			
	Nữ	6			
	Nam/Nữ	1.83			
3	Phương pháp sinh				
	Sinh mổ	5	28%		
	Sinh thường	10	56%		
	N/A	3	17%		
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)				
	Dưới 18 tuổi	1	06%		
	Từ 18 đến 35 tuổi	16	89%		
	Trên 35 tuổi	1	06%		
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)				
	Sinh con thứ 3	0	00%		
	Sinh con thứ 4	0	00%		
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%		
6	Cân nặng trẻ (g)				
	< 2500	0	00%		
	2500 ≤ X < 3000	5	28%		
	3000 ≤ X < 3500	9	50%		
	3500 ≤ X < 4000	3	17%		
	4000 ≤ X < 5000	1	06%		
	≥ 5000	0	00%		
7	Gói xét nghiệm				
	2 bệnh	18	100%		
	3 bệnh	0	00%		
	5 bệnh	0	00%		
	2 bệnh + Hemo	0	00%		
	3 bệnh + Hemo	0	00%		
	5 bệnh + Hemo	0	00%		
8	Chương trình sàng lọc				
	Quốc gia	18	100%		
	Xã hội hóa	0	00%		
	Demo	0	00%		



## BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

*Thời gian báo cáo:* Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: TTYT Huyện Diên Khánh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

## I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

I - CÁC CHỈ TIỀU CƠ BẢN								
STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)	
1	Cân nặng trẻ (g)	17	1	18	0	0	0	
	< 2500	0	0	0	0	0	0	
•••••	2500 ≤ X < 3000	5	0	5	0	0	0	
•••••	$3000 \le X < 3500$	8	0	9	0	0	0	
•••••	$3500 \le X < 4000$	3	0	3	0	0	0	
•••••	$4000 \le X < 4500$	1	0	1	0	0	0	
•••••	$4500 \le X < 5000$	0	0	0	0	0	0	
•••••	≥ 5000	0	0	0	0	0	0	
2	Tuổi mẹ	17	1	18	0	0	0	
	13	0	0	0	0	0	0	
•••••	14	0	0	0	0	0	0	
•••••	15	0	0	0	0	0	0	
	16	0	0	0	0	0	0	
•••••	17	1	0	1	0	0	0	
•••••	$18 \le X < 20$	2	0	2	0	0	0	
	20 ≤ X < 25	3	0	4	0	0	0	
•••••	$25 \le X < 30$	6	0	6	0	0	0	
•••••	30 ≤ X <35	4	0	4	0	0	0	
	$35 \le X < 40$	1	0	1	0	0	0	
	40 ≤ X<45	0	0	0	0	0	0	
•••••	≥ 45	0	0	0	0	0	0	
3	Dân tộc	17	1	18	0	0	0	
	Kinh	17	1	18	0	0	0	
•••••	Khác	0	0	0	0	0	0	
	Ba na	0	0	0	0	0	0	
	Bố y	0	0	0	0	0	0	
	Brâu	0	0	0	0	0	0	
•••••	Cao Lan	0	0	0	0	0	0	
	Chăm	0	0	0	0	0	0	
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0	
	Chu ru	0	0	0	0	0	0	
	Chứt	0	0	0	0	0	0	
	Cill	0	0	0	0	0	0	
••••••	Со	0	0	0	0	0	0	
•••••		<b>.</b>	<b>-</b>				Trang 2	

Cơ ho	0	0	0	0	0	0
Cờ lao	•	0	0	0	0	0
Cống		0	0	0	0	0
Dao	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Ê dê		0	0	0	0	0
Gia rai	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Giấy		0	0	0	0	0
Gié triêng		0	0	0	0	0
H mông	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
H rê		0	0	0	0	0
Hà nhì		0	0	0	0	0
Ноа	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
K tu		0	0	0	0	0
Kháng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Khơ me		0	0	0	0	0
Khơ mú	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La chí		0	0	0	0	0
La ha	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La hù		0	0	0	0	0
Lào		0	0	0	0	0
Lô lô	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Lự		0	0	0	0	0
M nông		0	0	0	0	0
Mą		0	0	0	0	0
Mång		0	0	0	0	0
Mường		0	0	0	0	0
Ngái	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Nùng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
O đu		0	0	0	0	0
Pà th <b>ể</b> n	0	0	0	0	0	0
Phù lá	0	0	0	0	0	0
Pu péo	0	0	0	0	0	0
Rag lai	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Rơ man	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Sán chay	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Sán dìu	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Si la	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Tà ôi	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Tày		0	0	0	0	0
Thái		0	0	0	0	0
Thổ		0	0	0	0	0
Vân kiều		0	0	0	0	0
X tiêng		0	0	0	0	0
						Trang 3

Xinh mun	:	0	0	0	0	0
Xơ đăng		0	0	0	0	0